

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày: 26-3-2018
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cà Văn Pâng

Các Thẩm phán: Bà Lò Thị Xuyên

Bà Trần Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại Phòng xét xử số 01 - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2018/TLPT-DS ngày 11/01/2018 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐ-PT ngày 27/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thế T1; Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Khôi X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế T2 (Tên gọi khác: Nguyễn Văn T2); Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Khôi X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Nguyễn Thị N; Địa chỉ: Khôi Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

3.2. Nguyễn Xuân C.

3.3. Nguyễn Thị Kim D.

3.4. Nguyễn Thị D1.

Cùng địa chỉ: Đội C, Thôn T3, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

** Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1 là: Chị Phạm Thị S; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Đội C, Thôn T3, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (Có mặt tại phiên tòa).*

** Người đại diện theo ủy quyền cho chị Phạm Thị S, cháu Nguyễn Xuân C là: Anh Nguyễn Thế T; sinh năm: 1976; địa chỉ: Khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).*

3.5. Chị Hoàng Thị N1; Địa chỉ: Khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thế T2 - là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thế T1, đồng thời là người được chị Phạm Thị S và cháu Nguyễn Văn C ủy quyền trình bày:*

Bố mẹ anh là ông Nguyễn Thế M và bà Bùi Thị H. Bà H chết ngày 28/8/2014, ông M chết ngày 28/10/2016. Ông M và bà H có 4 người con là: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thế T2, anh Nguyễn Thế T1, anh Nguyễn Thế T5 (chết ngày 23/9/2013). Anh T5 có 3 người con là: cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1.

Khi chết ông M, bà H không để lại di chúc về tài sản. Di sản ông M, bà H để lại gồm có:

- Diện tích đất ở 182m² và đất vườn có diện tích 381m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01059 do UBND huyện T cấp ngày 08/7/2016; người sử dụng đất: Ông Nguyễn Thế M; địa chỉ thửa đất: Khối 20/7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trên đất có một ngôi nhà 03 gian gỗ, lợp prôximăng, nền xi măng, nhà cũ. Đối với phần đất ở, đất vườn, cây cối, nhà ở trên đất anh em đã chia nhau bằng hiện vật theo biên bản thỏa thuận ngày 03/3/2017 có sự chứng kiến xác nhận của UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đến nay anh T1 vẫn giữ quan điểm chia như biên bản thỏa thuận ngày 03/3/2017.

- Đất trồng cây lâu năm (đất đồi): Khoảng 600m² (sau khi thẩm định thực tế diện tích đất là 749,4m²), trên đất có các loại cây lâu năm, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất là do bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Thế M và bà Bùi Thị H. Địa chỉ thửa đất tại Khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Do anh T1 và anh T2 không thỏa thuận được nên anh T1 yêu cầu chia diện tích đất này theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Thế T2 trình bày:*

Phần thông tin bố mẹ, anh chị em trong gia đình thống nhất như lời trình bày của anh T1. Phần di sản của bố mẹ (ông Nguyễn Thế M, bà Bùi Thị H) chết

để lại gồm: Phần đất ở và đất vườn anh T2 khai thống nhất như lời khai của anh T1 và nhất trí chia theo biên bản thỏa thuận ngày 03/3/2017.

Phần diện tích đất đồi 749,4m², trên đất có các loại cây lâu năm, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất là do bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Thế M. Anh T2 cho rằng một phần diện tích đất nền nhà là do bố mẹ cho từ năm 2004, anh tự cải tạo và làm nhà ở cho đến năm 2014. Chiều rộng nền nhà là 20,5m giáp với mặt đường nội thị; chiều sâu kéo dài vào 9m; tổng diện tích là 184,59m². Đến năm 2014, mẹ anh là bà Bùi Thị H (chết) thì anh T2 chuyển về sống chung với bố anh (ông Nguyễn Thế M) và quản lý phần đất của gia đình. Vợ chồng anh T2 là người đứng ra chăm sóc bố mẹ trong lúc già yếu, bệnh tật, nay anh T2 không nhất trí chia.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị N thống nhất như lời trình bày của anh T1, anh T2 về phần thông tin bố mẹ, anh chị em trong gia đình; thống nhất việc chia số di sản của bố mẹ chết để lại như lời khai của anh T1, anh T2. Ngoài ra, chị N còn trình bày: Ngày 06/6/2014 chị N được bố mẹ cho đất ở và đất vườn để làm nhà tình nghĩa, khi cho đã có giấy chứng nhận của chính quyền địa phương. Số đất ở và đất vườn còn lại của bố mẹ đề nghị Tòa án chia đều cho 3 anh em: Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T5, Nguyễn Thế T1, chị N không tranh chấp phần đất này. Đối với phần diện tích 749,4m² đất đồi, chị N đề nghị nếu anh T1 và anh T2 thỏa thuận chia làm 2 phần cho nhau thì chị nhất trí, chị không lấy phần mà chị được hưởng. Nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

** Chị Phạm Thị S người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1 trình bày:*

Chị S là vợ anh Nguyễn Thế T5, (anh T5 chết ngày 29/3/2013). Anh T5 và chị S có 3 người con: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1. Nay bố mẹ chết để lại di sản, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia phần thừa kế được hưởng của anh T5 cho các con chị được hưởng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên, quyết định:

Căn cứ vào các điều: 26, 35, 147, 157, 212/BLTTDS 2015; các điều 631, 632, 633, 634, 635, 640, 642, 674, 675, 766, 677, 685, 167, 463/BLDS 2005; các điều 95, 179/Luật đất đai 2013; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thế T1.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia phần đất ở và đất vườn theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2017 và thỏa thuận chia kỷ phần thừa kế như sau:

Đoạn I: Chia cho anh Nguyễn Thế T2 phần đất giáp với bờ tường ngăn cách giữa đất bà Thái Thị H1 với đất ông Nguyễn Thế M và bà Bùi Thị H bằng 4,8m chiều rộng, khoảng cách tính từ tường nhà bà Thái Thị H1 giáp với đất chia cho anh Nguyễn Thế T5; Chiều dài tính từ chỉ giới đường nội thị đến hàng rào ngăn cách giữa nhà ông M với đất của gia đình ông Vũ Đình C1. Đất được tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01059 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/7/2016.

Đoạn II: Chia cho anh Nguyễn Thế T5 (các con của anh T5 được thừa kế thế vị gồm các cháu: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1) bằng 4,8m chiều rộng; phần đất giáp ranh với đất chia cho anh Nguyễn Thế T2 đến giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Thế T1; chiều dài tính từ chỉ giới đường nội thị đến hàng rào ngăn cách giữa nhà ông M, bà H với đất gia đình ông Vũ Đình C1. Đất được chia tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01059 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/7/2016.

Đoạn III: Chia cho anh Nguyễn Thế T1 bằng 4,8m chiều rộng; phần đất giáp ranh với đất chia cho anh Nguyễn Thế T5 đến giáp phần đất của chị Nguyễn Thị N; chiều dài tính từ chỉ giới đường nội thị đến hàng rào ngăn cách giữa nhà ông M, bà H với đất gia đình ông Vũ Đình C1. Đất được chia tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01059 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/7/2016.

3. Chia phần đất trồng cây lâu năm (đất đồi) theo kỷ phần thừa kế như sau:

- Anh Nguyễn T2 được hưởng kỷ phần bằng 7,5m chiều rộng, phần đất tính từ tường nhà chị Nguyễn Thị H2 đến giáp phần đất chia cho chị Nguyễn Thị N, chiều dài kéo dài từ giáp chỉ giới đường nội thị đến giáp đường nhà ông Bạc Cầm B. Đất tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Chị Nguyễn Thị N được hưởng kỷ phần thừa kế bằng 5m chiều rộng, phần đất tính từ phần đất chia cho ông Nguyễn Thế T2 đến giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Thế T5, chiều dài kéo dài từ giáp chỉ giới đường nội thị đến giáp đường nhà ông Bạc Cầm B. Đất tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Anh Nguyễn Thế T5 được hưởng kỷ phần thừa kế bằng 4m chiều rộng, phần đất tính từ phần đất chia cho chị Nguyễn Thị N đến giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Thế T1, chiều dài kéo dài từ giáp chỉ giới đường nội thị đến giáp đường nhà ông Bạc Cầm B. Đất tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Anh Nguyễn Thế T1 được hưởng kỷ phần thừa kế bằng 4m chiều rộng, phần đất được tính từ phần đất chia cho anh Nguyễn Thế T5 đến giáp phần đất của gia đình bà Nguyễn Thị G; chiều dài kéo dài từ giáp chỉ giới đường nội thị đến giáp đất ông Bạc Cầm B. Đất tọa lạc tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Các đương sự có nghĩa vụ hoàn thiện các thủ tục hành chính về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

4. Về chi phí tố tụng:

- Anh Nguyễn Thế T1 phải chịu chi phí xem xét và định giá tài sản là 1.000.000 đồng; Anh T1 được hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp 3.000.000 đồng. Số tiền này chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thế T2, các thừa kế thế vị (cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1) có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này chị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

- Anh Nguyễn Thế T2 phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này anh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

- Các thừa kế thế vị (cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1) phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Anh Nguyễn Thế T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế của mình được chia là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.025.000 đồng theo biên lai số AA/2010/05461 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả cho anh Nguyễn Thế T1 8.725.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia.

- Anh Nguyễn Thế T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia.

- Anh Nguyễn Thế T5 (các thừa kế thế vị là các cháu: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế của mình được chia.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Thế T2 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, anh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không công bằng, tạo chứng cứ cho anh T1 khởi kiện, các yêu cầu của anh Tòa án không chấp nhận. Nay anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại:

1. Chia công bằng phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 903390 do UBND huyện T cấp ngày 08/7/2016, mang tên Nguyễn Thế M.

2. Xác minh lại phần diện tích đất đòi, anh T2 cho rằng diện tích đất đòi này là do anh T2 tự khai phá, không phải là di sản của bố mẹ chết để lại nên không nhất trí chia.

3. Khi 4 anh chị em được hưởng quyền lợi về tài sản của bố mẹ để lại thì phải có cam kết chịu trách nhiệm với bố mẹ như đã thỏa thuận thống nhất.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Thế T2 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng việc chia phần đất cho các đương sự bằng hiện vật như bản án sơ thẩm đã tuyên cho từng đồng thừa kế được hưởng đã không tuyên đầy đủ tứ cạnh, kích thước các cạnh, diện tích đất cụ thể do đó sẽ dẫn đến việc bản án không thi hành được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309/BLTTDS: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSTC-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thế T1, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T chia di sản của bố mẹ chết để lại cho các con. Bà Bùi Thị H (chết ngày 28/8/2014), ông Nguyễn Thế M (chết ngày 28/10/2016). Căn cứ vào Điều 26, Điều 35 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện T xác định vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm chưa xác định, cụ thể điểm, khoản nào của Điều 26, Điều 35/BLTTDS. Thiếu sót này Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thế T2:

[3.1] Theo nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Thế T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T chia di sản của bố mẹ chết để lại thừa kế theo pháp luật cho 4 người con của ông M, bà H gồm: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thế T2, anh Nguyễn Thế T5, anh Nguyễn Thế T1. Anh Nguyễn Thế T5 (chết năm 2013) các con của anh T5 - người thừa kế thế vị gồm các cháu: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1.

Xét về người được hưởng thừa kế theo pháp luật trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định có 4 người con của bà H, ông M thuộc hàng thừa kế thứ nhất; trong đó anh T5 (đã chết) có 3 người con là những người được hưởng thừa kế thế vị là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Xét về di sản là tài sản của bà H, ông M để lại gồm:

- Phần diện tích đất có trong GCNQSD đất số BY 903390 do UBND huyện T cấp ngày 08/7/2016 mang tên Nguyễn Thế M; Địa chỉ thửa đất tại khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Tổng diện tích 563m² (Trong đó: Đất ở 182m²; đất vườn 381m²). Tháng 6/2014 ông M cho chị Nguyễn Thị N 150m² (Theo giấy chứng nhận nhà ở hợp pháp ngày 06/6/2014, có xác nhận của UBND thị trấn T, tỉnh Điện Biên) (**BL số 197**). Tháng 7/2016, ông M chuyển nhượng cho ông Lê Đình B1 97,9m² (đất ở 50,0m²; đất vườn 47,9m²).

Như vậy, phần diện tích đất còn lại là 315,1m² được xác định là di sản của bà H, ông M chết để lại thừa kế cho các con. Các đồng thừa kế đều yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận phân chia phần diện tích đất này theo biên bản thỏa thuận ngày 03/3/2017 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, việc xem xét, thẩm định tại chỗ về phần diện tích 315,1 m² đất còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với diện tích còn lại trên thực tế có sự chênh lệch nhau. Việc chia phần đất bằng hiện vật này như tuyên trong quyết định của bản án sơ thẩm cho từng đồng thừa kế được hưởng, không tuyên đầy đủ tứ cạnh, kích thước các cạnh, diện tích đất cụ thể của từng đồng thừa kế được chia. Do đó, sẽ dẫn đến việc không thi hành án được.

Để khắc phục sai sót này, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm bổ sung đo vẽ lại sơ đồ của từng đồng thừa kế được chia có đầy đủ tứ

cạnh, kích thước các cạnh, diện tích đất. Nên cần thiết phải sửa phần tuyên này của bản án sơ thẩm để bản án thi hành án được.

Trên cơ sở căn cứ vào sơ đồ xem xét tại chỗ (bổ sung). Địa chỉ thửa đất: Khối X, thị trấn T, huyện T. Số thửa 00, tờ bản đồ: 00. Diện tích đất thực tế xác định là di sản để chia là 346,1m². Trong đó, kỷ phần của từng đồng thừa kế được chia là anh T2: 131,7m²; anh T5 (các đồng thừa kế thế vị): 109,4m²; anh T1: 105 m² (các tứ cạnh thửa đất có sơ đồ kèm theo).

- Phần diện tích trồng cây lâu năm (đất đồi): 749,4 m² (Theo sơ đồ thực địa xem xét tại chỗ ngày 25/10/2017); Địa chỉ thửa đất tại khối 20/7 thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo công văn số: 115/CV-UBND ngày 02/11/2007 của UBND huyện T v/v Trả lời TAND huyện T về việc xác định việc tặng cho đất (**BL số 193**): Từ năm 2003 - 2005 ông Nguyễn Thế M, bà Bùi Thị H chưa làm thủ tục tặng cho phần đất đồi cho các con trong gia đình theo thủ tục hành chính tại UBND huyện T. Ông Nguyễn Thế M không đủ điều kiện thực hiện thủ tục tặng cho ông Nguyễn Thế T2 vì chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 188 Luật Đất Đai 2013.

Tại Công văn số: 147/CV-TNMT ngày 25/10/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (BL số 200) v/v xác nhận quyền sử dụng đất: Nguồn gốc sử dụng diện tích đất đồi 742,2m² của ông Nguyễn Thế M là do bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Thế M từ năm 1986, ông M cải tạo đất, trồng cây lâu năm và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc sử dụng đất của ông M, bà H (đã chết) là hợp pháp và đủ điều kiện cấp GCNQSD đất cho những người được quyền thừa kế (BL số 200).

Căn cứ các văn bản trên, xét thấy phần diện tích 742,2m² đất này được xác định là đất trồng cây lâu năm, đã được bà H và ông M cải tạo, sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay, không có tranh chấp. Tòa cấp sơ thẩm xác định là di sản của bà H, ông M (chết) để lại và chia thừa kế theo pháp luật cho các con của bà H, ông M được hưởng là căn cứ pháp luật. Do đó, xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh T2 cho rằng phần diện tích 742,2m² đất này là do anh T2 tự khai phá, quản lý sử dụng từ năm 2004 là không có căn cứ chấp nhận.

Theo bản án sơ thẩm, anh T2 là người có thời gian ở chung và chăm sóc bố mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm khi chia diện tích đất này cho các đồng thừa kế được hưởng là đã có sự cân nhắc chia cho anh T2 được hưởng phần nhiều hơn.

Tuy nhiên, việc chia phần diện tích đất bằng hiện vật cho từng đồng thừa kế được hưởng như tuyên trong quyết định của bản án sơ thẩm, không tuyên đầy đủ tứ cạnh, kích thước các cạnh, diện tích đất cụ thể, sẽ dẫn đến bản án không thi hành án được.

Để khắc phục sai sót này Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm bổ sung đo vẽ lại sơ đồ của từng đồng thừa kế được chia có đầy đủ tứ

cạnh, kích thước các cạnh, diện tích đất. Nên cần thiết phải sửa phần tuyên này của bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở căn cứ vào sơ đồ xem xét tại chỗ (bổ sung). Địa chỉ thửa đất: Khối X, thị trấn T, huyện T. Số thửa 00, tờ bản đồ: 00. Diện tích đất thực tế xác định là di sản để chia là 749,3m². Trong đó, kỷ phần của từng đồng thừa kế được chia: Anh T2: 294,9m²; Chị N: 177,0 m²; Anh T5 (các đồng thừa kế thế vị): 134,9m²; Anh T1: 142,5m². (Các tứ cạnh phần diện tích đất được chia có sơ đồ kèm theo).

[3.3] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1, anh T2, chị N, chị N1, chị S nhất trí với phần tuyên của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng các đương sự phải nộp, không có ý kiến thắc mắc gì.

[3.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thế T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh T2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2010/05489 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 157, Điều 165/Bộ luật Tố Tụng Dân sự năm 2015; Điều 645, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 677/Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95, khoản 1 Điều 179/Luật đất đai 2013; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 01/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên như sau:

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế về việc chia di sản thừa kế là phần đất ở và đất vườn theo thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 03/3/2017 như sau:

- Anh Nguyễn Thế T2 được chia 131,7 m² đất; Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 4,84m;

Chiều rộng giáp đất Vũ Đình C1 là 4,84m;

Chiều dài giáp đất bà Thái Thị H1 là 23,56m;

Chiều dài giáp đất anh T5 là 23,21m.

- Anh Nguyễn Thế T5 (các thừa kế thế vị của anh T5 gồm: cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị D, cháu Nguyễn Thị D1) được chia 109,4m² đất. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 4,83m;

Chiều rộng giáp đất Vũ Đình C1 là 4,83 m;

Chiều dài giáp đất anh T2 là 23,21m;

Chiều dài giáp đất anh T1 là 22,3m.

- Anh Nguyễn Thế T1 được chia 105 m² đất. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 4,83m;

Chiều rộng giáp đất Vũ Đình C1 là 4,83m;

Chiều dài giáp đất anh T5 là 23,3 m;

Chiều dài giáp đất chị N là 21,4 m.

Phần đất được chia cho các đồng thừa kế có địa chỉ tại Khối X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01059 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/7/2016. Người đứng tên sử dụng đất: ông Nguyễn Thế M.

1.2. Phần đất trồng cây lâu năm (đất đồi) chia kỹ phần thừa kế như sau:

- Anh Nguyễn Thế T2 được chia 294,9m² đất. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 7,5 m;

Chiều rộng giáp đất ông Bạc Cầm B là 7,5 m;

Chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị H2 là 41,29 m;

Chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị N là 38,21 m;

- Chị Nguyễn Thị N được chia: 177 m² đất. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 5m;

Chiều rộng giáp đất ông Bạc Cầm B là 4,25m;

Chiều dài giáp đất anh T2 là 38,21 m;

Chiều dài giáp đất các con anh T5 là 35,22 m;

- Anh Nguyễn Thế T5 (các thừa kế thế vị của anh Thế gồm: cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị D, cháu Nguyễn Thị D1) được chia 134,9m² đất. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 4m;

Chiều rộng giáp đất ông Bạc Cầm B là 4m;

Chiều dài giáp đất chị N là 35,22m;

Chiều dài giáp đất anh T1 là 33,73m.

- Anh Nguyễn Thế T1 được chia 142,5 m² đất. Diện tích đất có vị trí tứ cận như sau (có sơ đồ cụ thể kèm theo):

Chiều rộng giáp đường bê tông là 4,01m;

Chiều rộng giáp giao thông hào là 4,94m;

Chiều dài giáp đất anh T5 là 33,73m;

Chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị G là 31,71m.

Phần đất trồng cây lâu năm được chia cho các đồng thừa kế có địa chỉ tại Khố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Các đương sự có nghĩa vụ hoàn thiện các thủ tục hành chính về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Về chi phí tố tụng:

- Anh Nguyễn Thế T1 phải chịu chi phí xem xét và định giá tài sản là 1.000.000 đồng; Anh T1 được hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp 3.000.000 đồng. Số tiền này chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thế T2, các thừa kế thế vị (cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1) có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này chị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

- Anh Nguyễn Thế T2 phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này anh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

- Các thừa kế thế vị (cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1) phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này cháu Nguyễn Xuân C, cháu Nguyễn Thị Kim D, cháu Nguyễn Thị D1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh T1.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thế T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỳ phần thừa kế của mình được chia là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.025.000 đồng theo biên lai số AA/2010/05461 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả cho anh Nguyễn Thế T1 8.725.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia.

- Anh Nguyễn Thế T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia.

- Anh Nguyễn Thế T5 (các thừa kế thế vị là các cháu: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị D1) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế của mình được chia.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thế T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh T2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2010/05489 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/3/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cà Văn Pâng